

# CÁC YẾU TỐ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ẢNH HƯỞNG ĐẾN NHẬN THỨC VÀ HÀNH ĐỘNG SỐNG XANH CỦA SINH VIÊN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

*Nguyễn Thị Hương An<sup>1</sup>, Vũ Thị Hoa<sup>1</sup>, Hoàng Vũ Bình<sup>1</sup>, Phạm Tiến Dũng<sup>1</sup>*  
*Email: huongan.nguyen@hou.edu.vn*

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 06/02/2025

Ngày phản biện đánh giá: 14/08/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 27/08/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.652

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường, việc sinh viên đại học thực hành lối sống xanh góp phần quan trọng vào quá trình phát triển bền vững. Nghiên cứu này nhằm làm rõ cơ chế tác động các yếu tố của trường đại học tới hành động sống xanh của sinh viên thông qua vai trò trung gian của nhận thức bản thân, nhận thức về môi trường và nhận thức về lợi ích. Dữ liệu được thu thập bằng khảo sát trực tuyến tới 1295 sinh viên tại Hà Nội; thang đo được kiểm định về độ tin cậy, tính hội tụ, phân biệt và đa cộng tuyến trước khi phân tích. Kết quả cho thấy các yếu tố của trường đại học không chỉ tác động trực tiếp đến hành động sống xanh mà còn gián tiếp thúc đẩy hành động này thông qua việc nâng cao nhận thức.

**Từ khóa:** sống xanh, nhận thức bản thân, nhận thức về lợi ích, nhận thức môi trường

## I. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh khí hậu toàn cầu nóng lên nhanh chóng và suy thoái môi trường ngày càng trầm trọng, việc chuyển đổi lối sống theo hướng sống xanh (green behavior) được xem là giải pháp cấp bách để giảm thiểu áp lực lên tài nguyên thiên nhiên và hệ sinh thái (Steg & Vlek, 2009). Sinh viên đại học, với tư cách là lực lượng tri thức trẻ, không chỉ chịu ảnh hưởng trực tiếp từ môi trường học tập mà còn có tiềm năng lớn trong việc lan tỏa các chuẩn mực bền vững ra cộng đồng xã hội (Lozano, 2011).

Tại Việt Nam, một số nghiên cứu đã phân tích tác động của các yếu tố cá nhân và xã hội đến hành động sống xanh của sinh viên Hà Nội, cho thấy nhận thức môi trường và hỗ trợ từ gia đình, nhà trường là những nhân tố then chốt (Nguyễn & cộng sự, 2025). Tuy nhiên, hầu hết các công trình này chỉ dừng ở phân tích mối quan hệ trực tiếp hoặc mô hình định lượng tổng quát, chưa nhiều công trình làm rõ vai trò trung gian đa chiều của nhận thức, cụ thể là nhận thức bản thân, nhận thức về môi trường và nhận thức về lợi ích, trong quá trình các yếu tố của trường đại

---

<sup>1</sup> Trường Đại học Mở Hà Nội

học tác động lên hành động sống xanh của sinh viên.

Vì vậy, nghiên cứu này hướng tới ba mục tiêu chính: (1) Đánh giá tác động trực tiếp các yếu tố của trường đại học đến hành vi sống xanh của sinh viên; (2) Kiểm định vai trò trung gian của nhận thức bản thân, nhận thức về môi trường và nhận thức về lợi ích trong mối liên hệ giữa các yếu tố của trường đại học và hành động sống xanh của sinh viên; và (3) Đề xuất chiến lược phát triển môi trường đại học xanh hiệu quả để thúc đẩy hành động bền vững của sinh viên.

## II. Cơ sở lý thuyết

### 2.1. Khung lý thuyết nền tảng áp dụng trong nghiên cứu

Nghiên cứu này kết hợp ba khung lý thuyết: Lý thuyết TPB, Mô hình Kiến thức - Thái độ - Hành vi (KAB) và Lý thuyết Mong đợi - Giá trị (EVT). Mô hình KAB lý giải rằng khi sinh viên thu thập đầy đủ kiến thức về các vấn đề như biến đổi khí hậu, ô nhiễm và suy giảm đa dạng sinh học, họ sẽ hình thành thái độ tích cực và quan tâm sâu sắc, từ đó gia tăng nhận thức về môi trường. Thêm vào đó, theo lý thuyết EVT, niềm tin rằng hành động sống xanh sẽ mang lại các lợi ích thiết thực như tiết kiệm chi phí và nâng cao sức khỏe (niềm tin về kết quả) cùng với sự đánh giá cao những lợi ích đó (giá trị kết quả) tạo nên nhận thức về lợi ích và củng cố động lực để thực hiện hành động sống xanh (Fishbein & Ajzen, 1975). Lý thuyết TPB nhấn mạnh vai trò của chuẩn mực chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi trong việc chuyển thái độ và động lực thành ý định và hành vi, qua đó nhận thức bản thân, tức niềm tin về năng lực và trách nhiệm cá nhân đối với môi trường được củng cố mạnh

mẽ hơn khi sinh viên có cơ hội thực hành và quan sát các mô hình xanh ngay trên khuôn viên trường đại học (Ajzen, 1991). Các lý thuyết này cho thấy nhận thức bản thân, nhận thức về môi trường và nhận thức về lợi ích là yếu tố trung tâm thúc đẩy sinh viên chuyển từ tri thức và niềm tin thành hành động sống xanh.

Như vậy, các yếu tố của trường đại học có thể được xem là tác nhân nền tảng tạo điều kiện cho ba khía cạnh nhận thức (bản thân, môi trường, lợi ích) cùng hình thành và phát triển, qua đó gián tiếp hoặc trực tiếp thúc đẩy hành vi sống xanh của sinh viên.

### 2.2. Mối quan hệ giữa các yếu tố của trường đại học, nhận thức bản thân sinh viên và hành động sống xanh

Trong nghiên cứu này, các “yếu tố của trường đại học” (UN) được hiểu là tập hợp các điều kiện, chính sách và hoạt động mà cơ sở giáo dục đại học triển khai nhằm thúc đẩy nhận thức và hành vi sống xanh của sinh viên. Một số các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra mối quan hệ tích cực giữa chất lượng cơ sở vật chất và chính sách hỗ trợ xanh của trường đại học với nhận thức bản thân sinh viên về hành động sống xanh. Nghiên cứu của Chae và cộng sự (2018) cho thấy đầu tư vào hệ thống năng lượng tái tạo và không gian xanh có liên quan chặt chẽ đến việc nâng cao nhận thức hành động sống xanh của sinh viên đại học. Nghiên cứu này cũng đã chứng minh sự hiện diện của phòng thí nghiệm xanh và chương trình ngoại khóa môi trường làm tăng nhận thức hành động sống xanh.

***H<sub>1a</sub>: Các yếu tố của trường đại học (UN) ảnh hưởng trực tiếp và thuận chiều đến nhận thức bản thân sinh viên (SA) về hành động sống xanh***

Nhận thức tự thân về môi trường phản ánh mức độ mà cá nhân nhận thức và đánh giá trách nhiệm của chính mình đối với các vấn đề môi trường. Nghiên cứu của Zhou và cộng sự (2024) cho thấy nhận thức sâu sắc về các vấn đề môi trường trực tiếp chuyển thành hành vi xanh thường xuyên hơn. Harland và cộng sự (1999) đã chứng minh rằng cá nhân có nhận thức cao về chuẩn mực nội tại và khả năng kiểm soát hành vi thường chủ động hơn trong các hành động bảo vệ môi trường. Klöckner (2013) trong phân tích của mình cũng cho thấy nhận thức cá nhân về tác động môi trường giải thích phần lớn biến thiên trong hành vi bảo vệ môi trường.

***H<sub>1b</sub>**: Nhận thức bản thân sinh viên (SA) ảnh hưởng trực tiếp và thuận chiều đến hành động sống xanh của sinh viên (GB).*

Các yếu tố của trường đại học không chỉ tác động trực tiếp đến hành động sống xanh mà còn thông qua việc nâng cao nhận thức bản thân về khả năng và trách nhiệm cá nhân. Cụ thể, khi sinh viên được trải nghiệm môi trường học tập xanh, họ phát triển niềm tin mạnh mẽ vào năng lực kiểm soát và giá trị trách nhiệm cá nhân đối với các hành vi thân thiện môi trường. Nhận thức bản thân này sau đó thúc đẩy sinh viên tích cực tham gia vào các hành động sống xanh như tiết kiệm điện, phân loại rác và ưu tiên sử dụng sản phẩm bền vững (Zhao & cộng sự, 2010).

***H<sub>1c</sub>**: Nhận thức bản thân sinh viên (SA) đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa các yếu tố của trường đại học (UN) và hành động sống xanh của sinh viên (GB).*

### **2.3. Mối quan hệ giữa các yếu tố của trường đại học, nhận thức về môi trường và hành động sống xanh**

Các yếu tố của trường đại học không chỉ tạo ra môi trường học tập thuận lợi

mà còn đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao nhận thức về môi trường của sinh viên. Nghiên cứu của Lozano (2011) chỉ ra rằng khi các trường cải thiện cơ sở hạ tầng xanh (vườn sinh thái, tòa nhà tiết kiệm năng lượng) và lồng ghép các mô-đun đào tạo về đa dạng sinh học, chỉ số nhận thức về các thách thức môi trường của sinh viên tăng lên rõ rệt. Ahmed và cộng sự (2018) cũng ghi nhận rằng sự hiện diện thường xuyên của các hoạt động ngoại khoá xanh (workshop tái chế, dự án cộng đồng) góp phần gia tăng mức độ chú ý và hiểu biết về biến đổi khí hậu và ô nhiễm trong sinh viên.

***H<sub>2a</sub>**: Các yếu tố của trường đại học (UN) ảnh hưởng trực tiếp và thuận chiều đến nhận thức về môi trường của sinh viên (EA)*

Nhận thức về môi trường là hiểu biết và quan tâm của cá nhân đối với các vấn đề môi trường chung, như biến đổi khí hậu, ô nhiễm và suy giảm đa dạng sinh học. Nghiên cứu của Kollmuss và Agyeman (2002) chỉ ra rằng mức độ nhận thức về môi trường cao giúp sinh viên nhận diện rõ các hậu quả của hành vi, từ đó thúc đẩy họ hành động sống xanh hơn (Kollmuss & Agyeman, 2002). Thêm vào đó, Bamberg và Möser (2007) trong phân tích tổng hợp đã chứng minh rằng những người có kiến thức môi trường tốt thường thực hiện các hành vi thân thiện với môi trường ở mức độ cao hơn.

***H<sub>2b</sub>**: Nhận thức về môi trường của sinh viên (EA) ảnh hưởng trực tiếp và thuận chiều đến hành động sống xanh của sinh viên (GB).*

Vai trò trung gian của nhận thức về môi trường đã được nhiều công trình khẳng định khi các biến độc lập tác động

lên nhân tố trung gian là nhận thức về môi trường thì từ đó tiếp tục ảnh hưởng đến hành vi bảo vệ môi trường, mô hình trung gian này gia tăng độ chính xác giải thích biến thiên của hành vi (Preacher & Hayes, 2008; Zhao & cộng sự, 2010). Trong bối cảnh giáo dục đại học, Dangelico và Vocalelli (2017) đã tìm thấy bằng chứng về cơ chế gián tiếp khi đầu tư vào chương trình đào tạo xanh cải thiện nhận thức về môi trường, sau đó nhận thức về môi trường lại thúc đẩy hành động sống xanh.

*H<sub>2c</sub>: Nhận thức về môi trường của sinh viên (EA) đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa các yếu tố của trường đại học (UN) và hành động sống xanh của sinh viên (GB).*

#### **2.4. Mối quan hệ giữa các yếu tố của trường đại học, nhận thức về lợi ích và hành động sống xanh**

Các chính sách và hoạt động của trường đại học không chỉ nâng cao nhận thức về môi trường mà còn thuyết phục sinh viên thông qua việc làm rõ các lợi ích thiết thực của kinh tế, sức khỏe và cộng đồng khi thực hiện hành động sống xanh. Dangelico và Vocalelli (2017) đã chứng minh rằng nhận thức về lợi ích như kinh tế (tiết kiệm chi phí điện, nước) và lợi ích sức khỏe (giảm ô nhiễm tiếp xúc) thúc đẩy mạnh mẽ tiêu dùng xanh. Bên cạnh đó, Chen và Wang (2019) cũng tìm ra mối liên hệ thuận chiều giữa chương trình đào tạo về lợi ích xanh và sự sẵn sàng tham gia các hoạt động tái chế, tiết kiệm năng lượng.

*H<sub>3a</sub>: Các yếu tố của trường đại học (UN) ảnh hưởng trực tiếp và thuận chiều đến nhận thức về lợi ích của sinh viên (BA)*

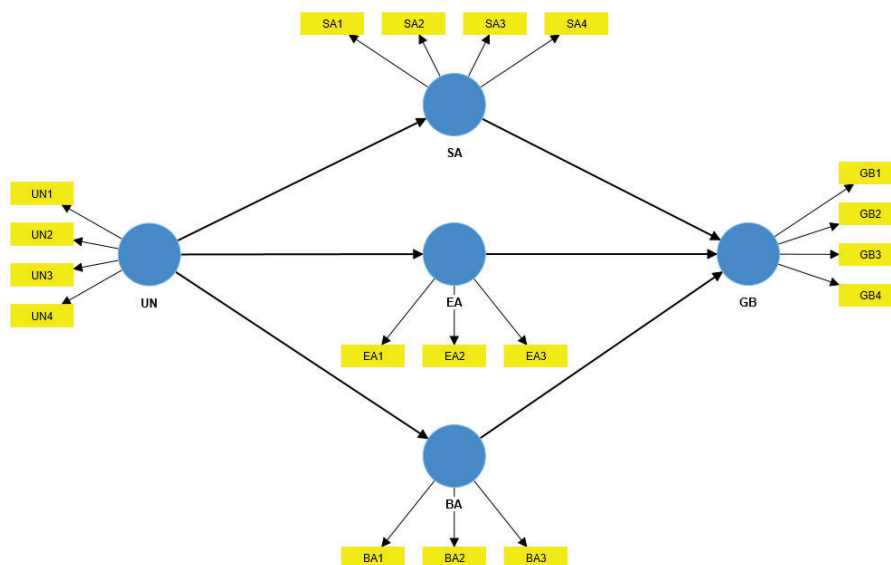
Nhận thức về lợi ích (BA) phản ánh niềm tin của sinh viên vào những giá trị kinh tế, sức khỏe và xã hội khi thực hiện hành động sống xanh. Dangelico và Vocalelli (2017) đã tìm thấy mối liên hệ thuận chiều mạnh mẽ giữa nhận thức về lợi ích và tiêu dùng xanh. Biswas và Roy (2015) cho thấy những sinh viên nhận thức rõ ràng lợi ích sức khỏe và kinh tế từ việc tái sử dụng và phân loại rác thường thực hành hành động sống xanh nhiều hơn. Thøgersen (2014) nhấn mạnh vai trò của nhận thức về lợi ích trong việc chuyển đổi ý định thành hành động, đặc biệt với các lợi ích cộng đồng (xây dựng hình ảnh cá nhân tích cực, gắn kết nhóm).

*H<sub>3b</sub>: Nhận thức về lợi ích của sinh viên (BA) ảnh hưởng trực tiếp và thuận chiều đến hành động sống xanh của sinh viên (GB).*

Vai trò trung gian của nhận thức về lợi ích cũng đã được kiểm chứng qua các mô hình phân tích trước đây. Hayes (2013) đã kiểm định và cho thấy khi nhận thức về lợi ích làm trung gian, ảnh hưởng của các yếu tố của trường đại học lên hành động sống xanh được khuếch đại. Nghiên cứu của Yahaya và Ebrahim (2016) cũng xác nhận rằng nhận thức về lợi ích hoàn toàn trung gian mối quan hệ giữa kiến thức môi trường và ý định tiêu dùng xanh.

*H<sub>3c</sub>: Nhận thức về lợi ích của sinh viên (BA) đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa các yếu tố của trường đại học (UN) và hành động sống xanh của sinh viên (GB).*

Dựa trên tổng quan các nghiên cứu trước đây, mô hình nghiên cứu được đề xuất tại Hình 1 như sau:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

UN: Các yếu tố của trường đại học - University Factors; BA: Nhận thức về lợi ích - Benefit Awareness;  
 SA: nhận thức bản thân - Self-Awareness; EA: nhận thức về môi trường - Environmental Awareness;  
 GB: hành động sống xanh - Green Behaviors.

### III. Phương pháp nghiên cứu

Để tiến hành nghiên cứu này, dữ liệu sơ cấp đã được thu thập bằng cách tiến hành khảo sát và sử dụng mô hình phương trình cấu trúc bình phương tối thiểu một phần (PLS-SEM) để phân tích dữ liệu. Những người tham gia được chọn thông qua lấy mẫu thuận tiện và bảng khảo sát được gửi trên các nền tảng xã hội. Phân tích bao gồm tổng cộng 18 biến quan sát, trong biến độc lập là các yếu tố của trường đại học (UN) được đánh giá trên 4 mục; và biến phụ thuộc là hành động sống xanh của sinh viên được đánh giá trên 4 mục dựa trên nghiên cứu của Nguyễn và cộng sự (2025). Yếu tố trung gian, nhận thức bản thân của được đo bằng 4 mục từ nghiên cứu của Osman và cộng sự (2024), nhận thức về môi trường được đo trên 3 mục dựa trên nghiên cứu của Nguyễn và cộng sự (2025), nhận thức về lợi ích được đánh giá trên 3 mục được tham khảo từ Dangelico và Vocalelli (2017). Bảng khảo

sát sử dụng thang đo Likert 5 điểm, từ hoàn toàn không đồng ý đến hoàn toàn đồng ý. Trong số 1314 khảo sát được gửi đi, 1295 câu trả lời hợp lệ được nhận lại để tiến hành phân tích mô hình phương trình cấu trúc (PLS-SEM).

Mẫu nghiên cứu bao gồm 1295 sinh viên đến từ các trường đại học ở Hà Nội. Trong đó, nhóm sinh viên chuyên ngành Kinh tế chiếm tỷ lệ cao nhất với 32,05%, tiếp theo là chuyên ngành Luật với 25,71%, Công nghệ thông tin 17,30%, các chuyên ngành còn lại bao gồm Sư phạm và Khoa học Giáo dục, Du lịch và Văn hóa, Ngôn ngữ và Ngôn ngữ học, Khoa học Môi trường, Xây dựng và Kiến trúc, Nghệ thuật và Y tế. Về niên khóa, 25,71% là sinh viên năm nhất, 24,79% năm hai, 28,57% năm ba, 18,15% năm tư và chỉ 2,78% năm năm. Phần lớn (61,93%) sinh viên có việc làm thêm, trong khi 38,07% không có. Về thu nhập hộ gia đình, 75,44% sống trong hộ có thu nhập trung bình, 19,08% trong



hộ có thu nhập cao và chỉ 5,48% trong hộ có thu nhập thấp.

#### IV. Kết quả nghiên cứu

##### 4.1. Phân tích mô hình đo lường

Đa cộng tuyến được đánh giá thông qua hệ số lạm phát phương sai (VIF) của từng mối quan hệ trong mô hình. Theo Hair và cộng sự (2017), giá trị VIF vượt ngưỡng 5 có thể chỉ ra hiện tượng đa cộng tuyến tuy nhiên kết quả phân tích tại Bảng 1 cho thấy VIF dao động từ 1,000 đến 4,266 (đều dưới 5), cho thấy không có hiện tượng đa cộng tuyến.

*Bảng 1. Hệ số VIF*

|         | VIF   |
|---------|-------|
| BA → GB | 2,304 |
| EA → GB | 4,266 |
| SA → GB | 3,856 |
| UN → BA | 1,000 |
| UN → EA | 1,000 |
| UN → SA | 1,000 |

*Bảng 2. Độ tin cậy và tính hội tụ thang đo*

|    | CA    | CR    | AVE   |
|----|-------|-------|-------|
| BA | 0,966 | 0,978 | 0,937 |
| EA | 0,793 | 0,878 | 0,705 |
| GB | 0,914 | 0,939 | 0,796 |
| SA | 0,966 | 0,975 | 0,907 |
| UN | 0,960 | 0,971 | 0,894 |

Bảng 2 trình bày kết quả đánh giá độ tin cậy và tính hội tụ của các thang đo. Hệ số Cronbach's Alpha (CA) dao động từ 0,793 đến 0,966, đều vượt ngưỡng chấp nhận tối thiểu 0,70, cho thấy thang đo có độ tin cậy nội tại cao (Hair & cộng sự, 2017). Độ tin cậy tổng hợp (Composite Reliability - CR) nằm trong khoảng 0,878-0,978, vượt tiêu chuẩn 0,70, khẳng định tính nhất quán bên trong của các nhân tố. Chỉ số phương sai trích xuất trung bình (Average Variance Extracted - AVE) dao động từ 0,705 đến 0,937, đều lớn hơn

0,50, chứng tỏ các thang đo có tính hội tụ tốt và khả năng phân biệt rõ ràng giữa các nhân tố (Fornell & Larcker, 1981).

Để xác nhận sự hiện diện của giá trị phân biệt trong nghiên cứu này, việc đánh giá tập trung vào hệ số tải chéo. Toàn bộ hệ số tải chéo của biến quan sát đó với các yếu tố khác trong mô hình, phân tích dữ liệu cho thấy các tiêu chí này đều được đảm bảo. Ngoài ra, giá trị phân biệt cũng được kiểm tra bằng cách sử dụng chỉ số HTMT được đề xuất bởi Henseler và cộng sự (2015), và kết quả tại bảng 3 chỉ ra rằng tất cả các cấu trúc đều có giá trị HTMT nhỏ hơn 0,9, do đó đưa ra sự xác nhận cho giá trị phân biệt. Dựa trên kết quả phân tích này, có thể kết luận rằng nghiên cứu này đã thiết lập thành công độ tin cậy và tính hợp lệ của tất cả các cấu trúc tiềm ẩn, phù hợp với các khuyến nghị của Hair và cộng sự (2017).

*Bảng 3. Chỉ số Hetrotrait-Monotrait (HTMT)*

|    | BA    | EA    | GB    | SA    | UN |
|----|-------|-------|-------|-------|----|
| BA |       |       |       |       |    |
| EA | 0,839 |       |       |       |    |
| GB | 0,745 | 0,764 |       |       |    |
| SA | 0,726 | 0,942 | 0,698 |       |    |
| UN | 0,580 | 0,660 | 0,645 | 0,622 |    |

##### 4.2. Phân tích mô hình cấu trúc

Phân tích mô hình cấu trúc bằng PLS-SEM được thực hiện theo khuyến nghị của Hair và cộng sự (2017) để kiểm định hệ số đường dẫn ( $\beta$ ), giá trị t và p-value. Kết quả (Bảng 4) cho thấy cả 9 giả thuyết đều được hỗ trợ ở mức ý nghĩa thống kê ( $p < .01$ ). Cụ thể,  $H_1$ : UN → SA có  $\beta = 0,604$ ,  $t = 22,220$ ,  $p < .001$  chứng tỏ các yếu tố của trường đại học (UN) có tác động tích cực lên nhận thức bản thân của sinh viên;  $H_2$ : UN → EA đạt  $\beta = 0,587$ ,  $t = 22,436$ ,  $p < .001$  cho thấy UN

cũng thúc đẩy nhận thức về môi trường của sinh viên;  $H_3$ :  $UN \rightarrow BA$  với  $\beta = 0,561$ ,  $t = 23,631$ ,  $p < .001$  khẳng định  $UN$  có tác động nâng cao nhận thức về lợi ích sống xanh của sinh viên. Về tác động trực tiếp đến hành vi sống xanh,  $H_4$ :  $SA \rightarrow GB$  có  $\beta = 0,239$ ,  $t = 6,407$ ,  $p < .001$ ;  $H_5$ :  $EA \rightarrow GB$   $\beta = 0,143$ ,  $t = 3,334$ ,  $p = .001$ ;  $H_6$ :  $BA \rightarrow GB$   $\beta = 0,440$ ,  $t = 14,546$ ,  $p < .001$  đều cho thấy nhận thức bản thân sinh viên, nhận thức về lợi ích

và nhận thức về môi trường đều thúc đẩy hành động sống xanh.

Đối với tác động gián tiếp,  $UN \rightarrow SA \rightarrow GB$  đạt  $\beta = 0,144$ ,  $t = 6,072$ ,  $p < .001$ ;  $UN \rightarrow EA \rightarrow GB$   $\beta = 0,084$ ,  $t = 3,234$ ,  $p = .001$ ;  $UN \rightarrow BA \rightarrow GB$   $\beta = 0,247$ ,  $t = 11,801$ ,  $p < .001$ , xác nhận vai trò trung gian quan trọng của nhận thức trong mối quan hệ giữa môi trường đại học và hành vi sống xanh (Hair & cộng sự, 2017).

*Bảng 4. Kết quả kiểm định giả thuyết nghiên cứu*

| Giả thuyết                                    | Beta  | Giá trị T | Giá trị P | 2,50% | 97,50% | Kết luận  |
|-----------------------------------------------|-------|-----------|-----------|-------|--------|-----------|
| $H_{1a}$ : $UN \rightarrow SA$                | 0,604 | 22,220    | 0,000     | 0,548 | 0,653  | Chấp nhận |
| $H_{2a}$ : $UN \rightarrow EA$                | 0,587 | 22,436    | 0,000     | 0,533 | 0,636  | Chấp nhận |
| $H_{3a}$ : $UN \rightarrow BA$                | 0,561 | 23,631    | 0,000     | 0,513 | 0,606  | Chấp nhận |
| $H_{1b}$ : $SA \rightarrow GB$                | 0,239 | 6,407     | 0,000     | 0,165 | 0,313  | Chấp nhận |
| $H_{2b}$ : $EA \rightarrow GB$                | 0,143 | 3,334     | 0,001     | 0,059 | 0,227  | Chấp nhận |
| $H_{3b}$ : $BA \rightarrow GB$                | 0,440 | 14,546    | 0,000     | 0,380 | 0,499  | Chấp nhận |
| $H_{1c}$ : $UN \rightarrow SA \rightarrow GB$ | 0,144 | 6,072     | 0,000     | 0,098 | 0,193  | Chấp nhận |
| $H_{2c}$ : $UN \rightarrow EA \rightarrow GB$ | 0,084 | 3,234     | 0,001     | 0,034 | 0,135  | Chấp nhận |
| $H_{3c}$ : $UN \rightarrow BA \rightarrow GB$ | 0,247 | 11,801    | 0,000     | 0,207 | 0,289  | Chấp nhận |

Hệ số xác định  $R^2$  hiệu chỉnh của biến Hành động sống xanh (GB) đạt 0,569, cho thấy 56,9% độ biến thiên của GB được giải thích bởi các biến độc lập trong mô hình, chứng tỏ mô hình vẫn duy trì tính phù hợp cao (Hair & cộng sự, 2017), mô hình hiện tại có khả năng dự báo tốt hành động sống xanh của sinh viên.

#### **V. Thảo luận và hàm ý quản trị**

Mối quan hệ thuận chiều giữa nhận thức bản thân và hành động sống xanh nhất quán với phát hiện trong nghiên cứu của Harland và cộng sự (1999) khi chứng minh nhận thức bản thân là nhân tố quyết định trong hành vi bảo vệ môi trường; đồng thời phù hợp với kết quả phân tích tổng hợp của Klöckner (2013), cho thấy nhận thức cá nhân về hậu quả môi trường luôn giải thích đáng kể biến thiên hành vi.

Hướng tác động mạnh mẽ của nhận thức về lợi ích tới hành động sống xanh cũng tương đồng với phản ánh quan sát trong nghiên cứu của Dangelico và Vocalelli (2017) về vai trò then chốt của nhận thức về lợi ích trong tiêu dùng xanh. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu còn cho thấy nhận thức bản thân, nhận thức về môi trường và nhận thức về lợi ích đều đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa các yếu tố liên quan đến trường đại học và hành động sống xanh của sinh viên. Kết quả này tương đồng với kết quả của Liang và cộng sự (2019), trong đó nhận thức về môi trường làm trung gian hoàn toàn mối quan hệ giữa đầu tư hạ tầng xanh và hành vi bảo vệ môi trường ở sinh viên đại học. Nghiên cứu của Yahaya và Ebrahim (2016) khẳng định nhận thức về lợi ích có vai trò trung

gian trong mối quan hệ giữa kiến thức môi trường và ý định tiêu dùng xanh. Như vậy, để thúc đẩy hành động sống xanh một cách toàn diện và bền vững, các trường đại học cần đồng thời củng cố nhận thức bản thân, tăng cường nhận thức về môi trường và làm rõ các lợi ích thiết thực, từ đó thúc đẩy hành động sống xanh của sinh viên.

Từ kết quả nghiên cứu, các trường đại học cần đầu tư và duy trì hệ thống cơ sở vật chất xanh như khuôn viên xanh, phòng thí nghiệm xanh và không gian học tập ngoài trời nhằm nâng cao nhận thức về môi trường và khuyến khích sinh viên trực tiếp trải nghiệm (Chae & cộng sự, 2018). Việc lồng ghép mô-đun phát triển nhận thức bản thân và trách nhiệm xã hội vào chương trình đại cương giúp sinh viên tự đánh giá tác động hành động cá nhân lên môi trường, từ đó kích thích động lực hành vi xanh (Harland & cộng sự, 1999). Bên cạnh đó, chiến lược truyền thông cần làm nổi bật lợi ích kinh tế, sức khỏe và cộng đồng của hành động sống xanh, khi nhận thức về lợi ích chính là nhân tố then chốt thúc đẩy thực hành xanh (Dangelico & Vocalelli, 2017). Cuối cùng, các hoạt động giáo dục trải nghiệm như chuyến đi thực tế, dự án cộng đồng và workshop tương tác không chỉ củng cố nhận thức về môi trường mà còn nâng cao cảm giác trách nhiệm cá nhân, tạo nền tảng chuẩn mực vững chắc cho hành động sống xanh (Preacher & Hayes, 2008).

## VI. Kết luận

Nghiên cứu này đã làm sáng tỏ cơ chế tác động của các yếu tố của trường đại học (UN) lên hành động sống xanh (GB) của sinh viên thông qua vai trò trung gian của nhận thức bản thân (SA), nhận thức về môi trường (EA) và nhận thức về lợi ích (BA). Kết quả kiểm định PLS-SEM cho

thấy UN tác động trực tiếp mạnh mẽ lên SA, EA và BA và ba khía cạnh nhận thức SA, EA và BA cũng có tác động thuận chiều và mạnh mẽ tới GB; đồng thời ba khía cạnh nhận thức này đều đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa UN và GB, giúp mô hình giải thích tới 56,9 % biến thiên trong hành động sống xanh. Tuy nhiên, do mẫu khảo sát chỉ tập trung tại Hà Nội và chưa xem xét các biến điều tiết như chuẩn mực chủ quan hay động lực nội tại. Các nghiên cứu trong tương lai cần mở rộng mẫu ra nhiều vùng miền, áp dụng thiết kế theo chiều dọc để làm rõ mối quan hệ nhân quả, đồng thời bổ sung các biến điều tiết như chuẩn mực chủ quan, động lực nội tại và kết hợp phân tích định tính, bổ sung phỏng vấn sâu hoặc nhóm tập trung nhằm khai thác động cơ, cảm nhận và quá trình hình thành nhận thức để làm sâu sắc hơn mối quan hệ giữa nhận thức và hành động sống xanh.

**Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo, mã số B2023-MHN-01.

## Tài liệu tham khảo

- [1]. Ajzen, I. (1991). The theory of planned behavior. *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50(2), 179-211. [https://doi.org/10.1016/0749-5978\(91\)90020-T](https://doi.org/10.1016/0749-5978(91)90020-T).
- [2]. Bamberg, S., & Möser, G. (2007). Twenty years after Hines, Hungerford, and Tomera: A new meta-analysis of psycho-social determinants of pro-environmental behaviour. *Journal of Environmental Psychology*, 27(1), 14-25. <https://doi.org/10.1016/j.jenvp.2006.12.002>.
- [3]. Biswas, A., & Roy, M. (2015). Green products: An exploratory study on the consumer behaviour



- in emerging economies of the East. *Journal of Cleaner Production*, 87, 463-468. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2014.09.045>.
- [4]. Chae, Y. G., Kim, T., & Rhee, B. S. (2018). Exploring the influence of university environment on students' pro-environmental behavior. *Sustainability*, 10(7), 2130. <https://doi.org/10.3390/su10072130>.
- [5]. Dangelico, R. M., & Vocalelli, D. (2017). Green marketing: An analysis of definitions, dimensions, and relationships with stakeholders. *Business Strategy and the Environment*, 26(4), 457-475. <https://doi.org/10.1002/bse.1937>.
- [6]. Fishbein, M., & Ajzen, I. (1975). *Belief, attitude, intention, and behavior: An introduction to theory and research*. Addison-Wesley.
- [7]. Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J., & Anderson, R. E. (2017). *Multivariate data analysis* (7th ed.). Pearson.
- [8]. Harland, P., Staats, H., & Wilke, H. A. (1999). Explaining pro-environmental intention and behavior by personal norms and the Theory of Planned Behavior. *Journal of Applied Social Psychology*, 29(12), 2505-2528. <https://doi.org/10.1111/j.1559-1816.1999.tb00123.x>.
- [9]. Henseler, J., Ringle, C. M., & Sarstedt, M. (2015). A new criterion for assessing discriminant validity in variance-based structural equation modeling. *Journal of the Academy of Marketing Science*, 43(1), 115-135. <https://doi.org/10.1007/s11747-014-0403-8>.
- [10]. Klöckner, C. A. (2013). A comprehensive model of the psychology of environmental behaviour-A meta-analysis. *Global Environmental Change*, 23(5), 1028-1038. <https://doi.org/10.1016/j.gloenvcha.2013.03.013>.
- [11]. Kollmuss, A., & Agyeman, J. (2002). Mind the gap: Why do people act environmentally and what are the barriers to pro-environmental behavior? *Environmental Education Research*, 8(3), 239-260. <https://doi.org/10.1080/13504620220145401>.
- [12]. Lozano, R. (2011). Incorporation and institutionalization of SD into universities: Breaking through barriers to change. *Journal of Cleaner Production*, 29-30, 1-10. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2011.02.011>.
- [13]. Nguyen, H.-A. T., Osman, Z., Serrano, J., Suhandoko, A. D. J., & Intaratat, K. (2025). Determinants of environmental awareness toward the green living behaviour of students: The role of family, university and social environmental factors in Hanoi, Vietnam. *Environmental and Socio-economic Studies*, 13(1), 1-14. <https://doi.org/10.2478/environ-2025-0001>.
- [14]. Osman, Z., Nguyen, H.-A. T., Intaratat, K., Suhandoko, A. D. J., & Serrano, J. (2024). Drivers of green behavior among students of online flexible distance learning higher education institutions. *International Journal of Academic Research in Progressive Education and Development*, 13(3), 1180-1195. <https://doi.org/10.6007/IJARPED/v13-i3/21649>.
- [15]. Steg, L., & Vlek, C. (2009). Encouraging pro-environmental behaviour: An integrative review and research agenda. *Journal of Environmental Psychology*, 29(3), 309-317. <https://doi.org/10.1016/j.jenvp.2008.10.004>.

- [16]. Thøgersen, J. (2014). Unsustainable consumption: Basic causes and implications for policy. *European Psychologist*, 19(2), 84-95. <https://doi.org/10.1027/1016-9040/a000176>.
- [17]. Yahaya, A., & Ebrahim, A. (2016). Environmental knowledge and green consumption: The mediating role of perceived benefits. *International Journal of Green Economics*, 10(3-4), 243-259. <https://doi.org/10.1504/IJGE.2016.081391>.
- [18]. Zhao, X., Lynch, J. G., Jr., & Chen, Q. (2010). Reconsidering Baron and Kenny: Myths and truths about mediation analysis. *Journal of Consumer Research*, 37(2), 197-206. <https://doi.org/10.1086/651257>.
- [19]. Zhou, X., Zhang, T., & Wang, Y. (2024). Environmental awareness and pro-environmental behavior among Chinese college students. *Sustainability*, 16(2), 1123. <https://doi.org/10.3390/su16021123>.

## UNIVERSITY FACTORS INFLUENCING STUDENTS' AWARENESS AND GREEN LIVING BEHAVIORS IN HANOI

*Nguyen Thi Huong An<sup>2</sup>, Vu Thi Hoa<sup>2</sup>, Hoang Vu Binh<sup>2</sup>, Pham Tien Dung<sup>2</sup>*

**Abstract:** *In the context of climate change and environmental degradation, the adoption of green living by university students plays a pivotal role in advancing sustainable development. This study seeks to elucidate the mechanisms through which university-related factors influence students' green living behaviors, mediated by self-awareness, environmental awareness, and benefit awareness. Data were collected via an online survey administered to 1,295 students in Hanoi. Measurement scales were rigorously assessed for reliability, convergent validity, discriminant validity, and multicollinearity prior to analysis. The findings reveal that university factors exert not only direct effects on green living behaviors but also indirect effects by enhancing students' awareness. These results underscore the critical role of universities in fostering sustainable actions among students.*

**Keywords:** *green living, self-awareness, benefit awareness, environmental awareness*

---

<sup>2</sup> Hanoi Open University